

Mẫu dùng cho NH 2021-2022 và từ khóa tuyển sinh 2021

Phụ lục 2

(Kèm theo Thông báo số 792/TB-ĐHVL-ĐT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Luật

Niên khóa: 2021 – 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHVL-ĐT, ngàythángnăm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Cử nhân Luật	
Bậc trình độ theo khung trình độ quốc gia Việt Nam	
Bậc 6	
Đơn vị cấp bằng	Đơn vị giảng dạy
Trường Đại học Văn Lang	Trường Đại học Văn Lang
Khoa quản lý	
Khoa Luật	
Trang thông tin điện tử của khoa	
http://khoaluat.vanlanguni.edu.vn/	
Tên văn bằng	
Cử nhân Luật	
Mã ngành đào tạo	
7380101	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Luật tuyển sinh theo các phương thức sau:	

<ul style="list-style-type: none"> - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: xét tuyển theo kết quả học tập học bạ năm lớp 12 phổ thông trung học; - Phương thức 3: xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; - Phương thức 4: tuyển trực tiếp những học sinh đoạt giải thưởng cấp quốc gia. 				
Thời gian và hình thức đào tạo				
Chương trình	Thời gian đào tạo	Hình thức đào tạo	Thời gian bắt đầu áp dụng	Phương thức đào tạo
Cử nhân Luật	4 năm	Chính quy tập trung	Tháng 9/2021	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				
Ngôn ngữ dùng để đánh giá				
Tiếng Việt				

2. Chương trình được kiểm định theo tiêu chuẩn của tổ chức

- Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

3. Tổ xây dựng/rà soát CTĐT (Tên của tổ trưởng và các thành viên chính tham gia xây dựng/rà soát CTĐT)

TT	Họ tên	Học hàm - học vị	Vai trò	Chuyên môn
1	Bùi Anh Thủy	PGS.TS	Tổ trưởng	Luật Kinh tế
2	Phan Quang Thịnh	PGS.TS	Thành viên	Lý luận nhà nước và pháp luật
3	Đình Ngọc Vượng	PGS. TS	Thành viên	Nhà khoa học
4	GVC. Vũ Thị Thúy	TS.	Tổ phó	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
5	GVC Nguyễn Thị Yên	ThS.	Thành viên	Luật Quốc tế
6	Trần Minh Toàn	ThS.	Thành viên	Luật
7	Nguyễn Tất Thành	TS.	Thành viên	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

TT	Họ tên	Học hàm - học vị	Vai trò	Chuyên môn
8	Đinh Lê Oanh	ThS.	Thành viên, Trưởng nhóm Thư ký	Luật Kinh tế
9	LS. Vũ Thị Bích Hải	ThS.	Thành viên	Luật
10	Nguyễn Ngọc Biện Thùy Hương	ThS.	Thành viên	Luật Kinh tế
11	Lê Hồ Trung Hiếu	ThS.	Thành viên	Luật Thương mại Quốc tế
12	Đoàn Kim Vân Quỳnh	ThS.	Thành viên, Thư ký	Luật Kinh tế
13	Vũ Trọng Khang	ThS.	Thành viên	Đại diện Hội nghề nghiệp
14	LS. Kiều Anh Vũ	ThS.	Thành viên	Doanh nhân
15	Phan Phương Nam	TS.	Thành viên	GV thỉnh giảng
16	Trương Như Hoa	CN	Thành viên	Cựu sinh viên Luật

4. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- *Nhóm 1:* Làm việc trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước; Các cơ quan thuộc hệ thống tư pháp (như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án, Cơ quan điều tra), các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội;
- *Nhóm 2:* Làm việc tại các tổ chức hỗ trợ tư pháp bao gồm: Văn phòng Luật sư, Công ty Luật; Quản tài viên; Tổ chức Đấu giá tài sản; Trọng tài thương mại; Tổ chức Giám định tư pháp; Văn phòng Công chứng; Văn phòng Thừa phát lại;
- *Nhóm 3:* Làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài (FDI), doanh nghiệp tư nhân cả trong và ngoài nước;
- *Nhóm 4:* Tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp;
- *Nhóm 5:* Làm việc tại các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến các vấn đề pháp luật.

5. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

5a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo

Triết lý giáo dục của CTĐT là: ***“Sự kết hợp của lý thuyết cùng các hoạt động ứng dụng mô phỏng và thực hành các kỹ năng sử dụng, vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.”***

5b. Mục tiêu của CTĐT

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về Nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên sâu về Luật Dân sự/ Luật Hình sự, có năng lực thực hành nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, thích ứng với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập của đất nước; có nhiệt huyết, gắn bó với nghề nghiệp, trung thực và mẫn cán trong công việc được giao; có phương pháp tiếp cận vấn đề một cách khoa học, có tư duy phản biện, tư duy đa chiều để giải quyết vấn đề hiệu quả liên quan đến chuyên môn; có khả năng và động lực tiếp tục học tập để đạt trình độ học vấn cao hơn.

5c. Chuẩn đầu ra của CTĐT

Kiến thức:

ELO 1	Áp dụng kiến thức chung về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, an ninh quốc phòng vào thực tiễn cuộc sống và công việc nghề nghiệp chuyên môn.
ELO 2	Nhận diện, giải thích và đánh giá những vấn đề pháp lý xảy ra tại nơi làm việc, nơi tác nghiệp.
ELO 3	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về Luật Dân sự/Luật Hình sự để xuất những giải pháp, phương án phù hợp để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh.

Kỹ năng:

ELO 4	Sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và năng lực ngoại ngữ phục vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.
ELO 5	Thực hiện tốt các kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng tương tác, giao tiếp, thuyết trình.
ELO 6	Vận dụng kỹ năng lập luận, khả năng sáng tạo, tư duy phản biện, tư duy đa chiều để giải quyết vấn đề hiệu quả liên quan đến chuyên môn.
ELO 7	Xây dựng được những kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực Luật Dân sự/ Luật Hình sự.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

ELO 8	Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp, có ý thức vững vàng về đạo đức nghề nghiệp và ý chí rèn luyện sức khỏe bản thân.
ELO 9	Tuân thủ pháp luật, tôn trọng và bảo vệ công lý, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.
ELO 10	Ý thức nhu cầu và sẵn sàng tham gia học tập suốt đời, tích cực đổi mới bản thân tăng khả năng thích ứng trong môi trường làm việc.

5.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa (CTĐT có những giải pháp gì để thúc đẩy khả năng quốc tế hóa và khuyến khích sinh viên giao lưu văn hóa?)

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.
- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Hơn nữa, sinh viên có thể tham gia các chương trình trao đổi học thuật và văn hóa với các quốc gia trong khu vực. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường truyền thông đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác (Tính bình đẳng, đa dạng, đầy đủ được tích hợp như thế nào khi thiết kế, xây dựng nội dung và triển khai CTĐT)

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.
- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

6. Ma trận chức năng (mức độ đóng góp của các học phần cho các ELOs):

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				EL O1	EL O2	EL O3	EL O4	EL O5	EL O6	EL O7	EL O8	EL O9	EL O10
1	71POL P10013	Triết học Mác - Lê nin	3	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S
2	71POL E10022	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S
3	71POL S10032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S
4	71POL H1004 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S
5	71POL C1005 2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	H	N	N	N	S	S	N	N	N	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				EL 01	EL 02	EL 03	EL 04	EL 05	EL 06	EL 07	EL 08	EL 09	EL 10
6	71LA WS101 72	Logic học	2	H	N	N	N	S	H	N	N	N	S
7	71ENG 110013	Anh văn 1 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S
8	71ENG 210023	Anh văn 2 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S
9	71ENG 310033	Anh văn 3 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S
10	71ENG 410043	Anh văn 4 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S
11	71ENG 510053	Anh văn 5 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S
12	71ENG 610063	Anh văn 6 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S
13	71ENG 710073	Anh văn 7 (IELTS)	3	N	N	N	H	S	N	N	N	N	S
14	71INF B1001 2	Tin học cơ bản	2	N	N	N	H	S	S	N	N	N	S
15		Giáo dục thể chất 1*	2	N	N	N	N	S	N	N	H	N	S
16		Giáo dục thể chất 2*	2	N	N	N	N	S	N	N	H	N	S
17		Giáo dục quốc phòng*	11	H	N	N	N	S	N	N	S	N	S
18	71SSK 020003	Kỹ năng mềm	3	N	N	N	N	H	S	N	S	N	S
19	71LA WS101 52	Lễ tân ngoại giao	2	N	S	S	N	H	H	N	S	H	S
20	71LA WS106 02	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	S	S	N	N	S	H	N	N	N	H
21	71LA WS304 53	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	3	N	H	N	N	S	H	N	S	S	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				EL 01	EL 02	EL 03	EL 04	EL 05	EL 06	EL 07	EL 08	EL 09	EL 10
22	71LA WS302 52	Luật Hiến pháp	2	N	H	N	N	S	H	N	S	H	S
23	71LA WS301 62	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	2	N	H	N	N	S	H	N	S	S	S
24	71LA WS303 52	Luật So sánh	2	N	H	N	N	S	H	N	S	H	S
25	71LA WS402 43	Luật Hành chính	3	N	H	N	N	S	H	N	S	H	S
26	71LA WS404 63	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế	3	N	H	H	N	S	H	N	S	H	S
27	71LA WS405 53	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	N	H	H	N	S	H	S	S	H	S
28	71LA WS404 13	Luật Tố tụng dân sự	3	N	H	H	N	S	H	S	S	H	S
29	71LA WS403 03	Luật Lao động	3	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
30	71LA WS403 42	Luật Sở hữu trí tuệ	2	N	H	S	N	S	H	S	S	H	S
31	71LA WS402 73	Luật Hình sự phần chung	3	N	H	H	N	S	H	S	S	H	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				EL 01	EL 02	EL 03	EL 04	EL 05	EL 06	EL 07	EL 08	EL 09	EL 10
32	71LA WS402 83	Luật Hình sự phân các tội phạm	3	N	H	H	N	S	H	S	S	H	S
33	71LA WS405 23	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
34	71LA WS405 72	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
35	71LA WS402 12	Luật Đất đai	2	N	H	S	N	N	H	S	S	H	S
36	71LA WS400 23	Công pháp Quốc tế	3	N	H	S	N	S	H	S	N	H	S
37	71LA WS406 73	Tư pháp Quốc tế	3	N	H	S	N	S	H	S	S	H	S
38	71LA WS404 03	Luật Thương mại Quốc tế	3	N	H	S	N	S	H	S	N	H	S
39	71LA WS404 22	Luật Tổ tụng hành chính	2	N	H	S	N	S	H	N	S	H	S
40	71LA WS401 42	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	N	S	N	N	S	H	S	S	H	S
41	71LA WS402 92	Luật Hôn nhân và gia đình	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
42	71LA WS404 33	Luật Tổ tụng hình sự	3	N	H	H	N	S	H	S	S	H	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				EL 01	EL 02	EL 03	EL 04	EL 05	EL 06	EL 07	EL 08	EL 09	EL 10
43	71LA WS403 22	Luật Ngân hàng	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
44	71LA WS400 42	Hệ thống pháp luật Việt Nam	2	N	H	S	H	N	S	N	N	H	S
45	71LA WS404 82	Pháp luật kinh doanh bất động sản	2	N	H	S	N	S	H	S	N	H	S
46	71LA WS405 62	Pháp luật về thương mại điện tử	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
47	71LA WS404 72	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
48	71LA WS402 02	Luật Cạnh tranh	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
49	71LA WS402 22	Luật Đầu tư	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
50	71LA WS403 82	Luật Thuế	2	N	H	S	N	S	S	S	S	H	S
51	71LA WS405 02	Pháp luật thương mại ASEAN	2	N	H	S	N	S	H	S	N	H	S
52	71LA WS405 82	Pháp luật về tổ chức thương mại thế giới WTO	2	N	H	S	N	S	H	S	N	H	S
53	71LA WS403 62	Luật Thi hành án dân sự	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				EL 01	EL 02	EL 03	EL 04	EL 05	EL 06	EL 07	EL 08	EL 09	EL 10
54	71LA WS400 12	Các hợp đồng dân sự thông dụng	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
55	71LA WS405 42	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
56	71LA WS405 32	Pháp luật về công chứng, chứng thực và thừa phát lại	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
57	71LA WS405 12	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
58	71LA WS404 92	Pháp luật Quốc tế về quyền con người	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
59	71LA WS401 32	Kỹ năng tranh tụng trong vụ án dân sự	2	N	S	H	N	S	S	H	S	H	S
60	71LA WS403 32	Luật Quốc tế về sở hữu trí tuệ	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
61	71LA WS403 72	Luật Thi hành án hình sự	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
62	71LA WS404 42	Lý luận định tội	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
63	71LA WS401 12	Khoa học điều tra hình sự	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				EL 01	EL 02	EL 03	EL 04	EL 05	EL 06	EL 07	EL 08	EL 09	EL 10
64	71LA WS406 52	Tội phạm học	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
65	71LA WS406 62	Tư pháp hình sự với người chưa thành niên	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
66	71LA WS406 32	Tâm thần học tư pháp	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
67	71LA WS400 32	Giám định pháp y	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
68	71LA WS406 22	Tâm lý học tư pháp	2	N	H	H	N	S	S	S	S	H	S
69	71LA WS406 44	Thực tập	4	N	H	H	S	S	S	S	H	H	S
70	71LA WS401 26	Khóa luận tốt nghiệp	6	N	H	H	N	S	S	S	H	H	S
71	71LA WS400 63	HPTN 1. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn và giải quyết tranh chấp về hợp đồng	3	N	S	H	N	S	S	H	S	H	S
72	71LA WS400 83	HPTN 2. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ dân sự	3	N	S	H	N	S	S	H	S	H	S

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Kiến thức			Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
				EL 01	EL 02	EL 03	EL 04	EL 05	EL 06	EL 07	EL 08	EL 09	EL 10
73	71LA WS400 73	HPTN 1. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự	3	N	S	H	N	S	S	H	S	H	S
74	71LA WS401 03	HPTN 2. Kỹ năng tranh tụng trong vụ án hình sự	3	N	S	H	N	S	S	H	S	H	S

*: môn học điều kiện tốt nghiệp và không tính vào điểm bình quân tích lũy

N: Không đóng góp (none supported): tương ứng với mức độ đóng góp dưới 20%.

S: Có đóng góp (supported): tương ứng mức độ đóng góp từ 20% đến 50%

H: Đóng góp quan trọng (highly supported): tương ứng mức độ đóng góp trên 50%

7. Các chương trình và quy định được tham khảo

7.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo
<ul style="list-style-type: none"> - Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học). - Đối sánh CTĐT với các trường: <ul style="list-style-type: none"> + Trong nước: đối sánh với các chương trình đào tạo ngành Luật của các trường có uy tín tại Việt Nam như: Chương trình đào tạo Luật của Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, chương trình đào tạo ngành Luật của Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội và chương trình đào tạo ngành Luật của Đại học Cần Thơ; + Nước ngoài: đối sánh với các chương trình đào tạo ngành Luật của các trường như: Trường Đại học Bristol (Anh) – Top 13 về đào tạo Luật của Anh và top 50 về đào tạo Luật của thế giới (năm 2018), Trường Đại học Monash (Úc) – Top 31 về đào tạo Luật của thế giới (QS Subject Ranking 2019); và Trường Đại học Quốc gia Singapore – Top 15 toàn thế giới, thứ 2 Châu Á (QS World University Rankings 2018).
7b. Điều kiện tốt nghiệp
<ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên tích lũy đủ: 130 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT. Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của nhà trường (nếu có).

2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):

- Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
- Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
- Khá: từ 2.50 đến 3.19
- Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

8. Nội dung và tổ chức thực hiện CTĐT

8.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
HỌC KỲ 1				
Học phần bắt buộc				
1	71ENG110013	Anh văn 1 (English 1)	3	30LT/30TH
2		Giáo dục quốc phòng (National Defence Education)	11	90LT/75TH
3	71INFB10012	Tin học cơ bản (Basic informatics)	2	60TH
4	71LAWS30453	Lý luận Nhà nước và pháp luật (Theory of State and Law)	3	45LT
5	71LAWS30252	Luật Hiến pháp (Constitutional Law)	2	30LT
6	71LAWS40463	Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế (General Issues in Civil Law, Property and Inheritance Rights)	3	45LT
HỌC KỲ 2				
Học phần bắt buộc				
1	71LAWS30162	Lịch sử Nhà nước và pháp luật (History of State and Law)	2	30LT
2	71LAWS40553	Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Law on Contract and Compensation for non-contractual damages)	3	45LT
3	71LAWS40243	Luật Hành chính (Administrative Law)	3	45LT
4	71LAWS10172	Logic học đại cương (General Logic)	2	30LT
5	71ENG210023	Anh văn 2 (English 2)	3	30LT/30TH
6		Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	2	15LT/30TH
HỌC KỲ 3				
Học phần bắt buộc				
1	71SSK020003	Kỹ năng mềm (Soft skills)	3	30LT/30TH
2	71POLP10013	Triết học Mác – Lê nin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	45LT
3	71LAWS40523	Pháp luật về chủ thể kinh doanh (Law on Business entity)	3	45LT

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
4	71ENG310033	Anh văn 3 (English 3)	3	30LT/30TH
HỌC KỲ 4				
Học phần bắt buộc				
1	71LAWS40422	Luật Tố tụng hành chính (Administrative procedure Law)	2	30LT
2		Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	2	15LT/30TH
3	71LAWS40572	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ (Law on Goods and Service Trade)	2	30LT
4	71LAWS40273	Luật Hình sự phân chung (Criminal Law-General)	3	45LT
5	71ENG410043	Anh văn 4 (English 4)	3	30LT/30TH
Học phần tự chọn (chọn 2/4 tín chỉ)				
1	71LAWS10152	Lễ tân ngoại giao (Diplomatic Reception)	2	30LT
2	71LAWS10602	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Scientific research method)	2	30LT
HỌC KỲ 5				
Học phần bắt buộc				
1	71ENG510053	Anh văn 5 (English 5)	3	30LT/30TH
2	71LAWS40303	Luật Lao động (Labor Law)	3	45LT
3	71LAWS40283	Luật Hình sự phân các tội phạm (Criminal Law-Crimes)	3	45LT
4	71LAWS40212	Luật Đất đai (Land Law)	2	30LT
Học phần tự chọn (chọn 2/4 tín chỉ)				
1	71LAWS40042	Hệ thống pháp luật Việt Nam (Vietnamese legal system)	2	30LT
2	71LAWS40322	Luật Ngân hàng (Banking Law)	2	30LT
HỌC KỲ 6				
Học phần bắt buộc				
1	71LAWS40292	Luật Hôn nhân và gia đình (Marriage and Family Law)	2	30LT
2	71POLE10022	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (Marxist-Lenin Political Economy)	2	30LT
3	71LAWS40433	Luật Tố tụng hình sự (Criminal Procedure Law)	3	45LT
4	71ENG610063	Anh văn 6 (English 6)	3	30LT/30TH
Học phần tự chọn (chọn 2/4 tín chỉ)				
1	71LAWS40482	Pháp luật kinh doanh bất động sản (Law on Real Estate business)	2	30LT
2	71LAWS40562	Pháp luật về thương mại điện tử (Law on E-commerce)	2	30LT
HỌC KỲ 7				

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
Học phần bắt buộc				
1	71ENG710073	Anh văn 7 (English 7)	3	30LT/30TH
2	71LAWS40413	Luật Tố tụng dân sự (Civil procedure Law)	3	45LT
3	71LAWS40023	Công pháp Quốc tế (Public International Law)	3	45LT
Học phần tự chọn (chọn 2/4 tín chỉ)				
1	71LAWS40472	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm (Law on Insurance Business)	2	30LT
2	71LAWS40202	Luật Cạnh tranh (Competition Law)	2	30LT
HỌC KỲ 8				
Học phần bắt buộc				
1	71POLS10032	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	30LT
2	71LAWS40673	Tư pháp Quốc tế (Private International Law)	3	45LT
3	71LAWS40342	Luật Sở hữu trí tuệ (Intellectual Property Law)	2	30LT
4	71LAWS40403	Luật Thương mại Quốc tế (International trade Law)	3	45LT
Học phần tự chọn (chọn 2/4 tín chỉ)				
1	71LAWS40222	Luật Đầu tư (Investment Law)	2	30LT
2	71LAWS40382	Luật Thuế (Taxation Law)	2	30LT
HỌC KỲ 9				
Học phần bắt buộc				
1	71POLH10042	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Thought)	2	30LT
2	71POLC10052	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)	2	30LT
3	71LAWS30352	Luật So sánh (Comparative Law)	2	30LT
4	71LAWS40142	Kỹ thuật soạn thảo văn bản (Paragraph Writing skill)	2	30LT
Học phần tự chọn (chọn 2/4 tín chỉ)				
1	71LAWS40582	Pháp luật về Tổ chức thương mại thế giới WTO (Law of World Trade Organization)	2	30LT
2	71LAWS40502	Pháp luật thương mại ASEAN (Law on ASEAN Trade)	2	30LT
HỌC KỲ 10				
Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau:				
Chuyên sâu Luật Dân sự:				
Học phần bắt buộc				
1	71LAWS40362	Luật Thi hành án dân sự (Law on Enforcement of Civil Judgments)	2	30LT
2	71LAWS40012	Các hợp đồng dân sự thông dụng	2	30LT

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
		(Common civil contracts)		
Học phần tự chọn (Chọn 08/12 tín chỉ)				
1	71LAWS40542	Pháp luật về giao dịch bảo đảm (Law on Security Transactions)	2	30LT
2	71LAWS40532	Pháp luật về công chứng, chứng thực và thừa phát lại (Law on notary, testimonial and bailout)	2	30LT
3	71LAWS40492	Pháp luật Quốc tế về quyền con người (International Human Rights Law)	2	30LT
4	71LAWS40512	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Law on Protection of Consumers Rights)	2	30LT
5	71LAWS40132	Kỹ năng tranh tụng trong vụ án dân sự (Mooting in civil disputes)	2	30LT
6	71LAWS40332	Luật Quốc tế về sở hữu trí tuệ (International Law on Intellectual Property)	2	30LT
Chuyên sâu Luật Hình sự:				
Học phần bắt buộc				
1	71LAWS40372	Luật Thi hành án hình sự (Law on Enforcement of Criminal Judgment)	2	30LT
2	71LAWS40442	Lý luận định tội (Theory of Arraignment)	2	30LT
Học phần tự chọn (Chọn 08/12 tín chỉ)				
1	71LAWS40112	Khoa học điều tra hình sự (Science of Criminal investigation)	2	30LT
2	71LAWS40652	Tội phạm học (Criminology)	2	30LT
3	71LAWS40662	Tư pháp hình sự với người chưa thành niên (Criminal Justice with Juveniles)	2	30LT
4	71LAWS40632	Tâm thần học tư pháp (Criminal psychiatry)	2	30LT
5	71LAWS40032	Giám định pháp y (Forensic Examination)	2	30LT
6	71LAWS40622	Tâm lý học tư pháp (Criminal psychology)	2	30LT
HỌC KỲ 11				
Học phần bắt buộc				
1	71LAWS40644	Thực tập (Internship)	4	180TT
HỌC KỲ 12				
Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đủ điều kiện theo quy định.				
1	71LAWS40126	Khóa luận TN (Graduation Thesis)	6	270TT
02 HPTN (nếu không làm Khóa luận TN)				
Với chuyên sâu Luật Dân sự:				
1	71LAWS40063	HPTN 1. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn và giải quyết tranh chấp về hợp đồng (Topic 1: Contract negotiation, drafting, consulting and dispute resolution skills)	3	45LT
2	71LAWS40083	HPTN 2. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ dân sự (Topic 2: Skills in researching civil case files)	3	45LT

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số tiết
VỚI CHUYÊN SÂU LUẬT HÌNH SỰ:				
1	71LAWS40073	HPTN 1. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự (Topic 1: Skills in researching criminal case files)	3	45LT
2	71LAWS40103	HPTN 2. Kỹ năng tranh tụng trong vụ án hình sự (Topic 2: Litigation skills in criminal cases)	3	45LT
TỔNG			130	

8.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

1) Triết học Mác - Lê nin: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Triết học Mác - Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung môn học gồm có 3 chương, giải thích về những vấn đề chung liên quan tới sự tồn tại, phát triển của thế giới nói chung, của sự tồn tại và phát triển xã hội loài người nói riêng, nó trang bị thế giới quan đúng đắn, nhân sinh quan tích cực, cũng như phương pháp luận biện chứng, khoa học cho người học, nhằm giải quyết tốt những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Môn học còn là cơ sở để sinh viên tiếp thu tốt các môn Lý luận chính trị, cũng như các môn khoa học khác.

2) Kinh tế chính trị Mác - Lênin: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/ học trước: Sau Triết học Mác - Lê nin, song hành với CNXHKKH.

Nội dung học phần: Nội dung học phần được cấu trúc thành 6 chương. Trong đó, chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của môn học; chương 2, 3, 4 tập trung nghiên cứu những lý luận giá trị lao động, quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, giai đoạn độc quyền và độc quyền nhà nước; chương 5,6 trình bày kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam, những quan điểm, giải pháp về công nghiệp hóa hiện đại hóa và vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3) Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Triết học Mác - Lê nin, song hành với KTCT Mác - Lê nin.

Nội dung học phần: Học phần gồm 7 chương trình bày quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở kiến thức của môn học, sinh viên vận dụng phân tích những vấn đề chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Qua đó, giáo dục cho sinh viên niềm tin khoa học, lập trường chính trị, tư tưởng và thái độ đúng đắn, khách quan về học phần nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung.

4) Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Triết học Mác - Lê nin, KTCT Mác - Lênin, CNXHKKH; song hành với LSDCSVN.

Nội dung học phần: Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng cơ bản của Người về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Môn học còn rèn luyện ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng cách mạng mà Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta đã lựa chọn.

5) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Triết học Mác - Lê nin, KTCT Mác - Lê nin, CNXHKKH; song hành với Tư tưởng HCM.

Nội dung học phần: Học phần gồm 4 chương, trình bày về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), về kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, thực hiện thống nhất đất nước (1945 – 1975), về đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Môn học còn định hướng lập trường, chính trị vững vàng, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo cách mạng của Đảng trong lịch sử dân tộc.

6) Logic học đại cương: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: đại cương về logic, khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, ngụy biện, các quy luật cơ bản của logic hình thức; Một số chuyên đề dưới hình thức thảo luận, nêu mối liên hệ giữa logic với các khoa học khác.

7) Anh văn 1 (IELTS): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn dự bị

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ A1 bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: nghề nghiệp, chụp ảnh, du lịch, và thành phố;
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

8) Anh văn 2 (IELTS): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 1

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ A2 - bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: khó khăn và kết quả, bảo vệ môi trường, phát minh khoa học, lịch sử, khám phá vũ trụ, thành tựu khoa học.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

9) Anh văn 3 (IELTS): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 2.

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Sơ cấp A2+ bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh hậu sơ cấp, liên quan đến các chủ đề: Nghề nghiệp, cảm xúc, thời tiết, marketing, thức ăn.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

10) Anh văn 4 (IELTS): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 3.

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Trung cấp B1 bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh Trung cấp, liên quan đến các chủ đề: tương lai, khám phá vũ trụ, âm nhạc - nghệ thuật, tự nhiên, sức mạnh của hình ảnh, phương pháp giao tiếp.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu

11) Anh văn 5 (IELTS): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 4.

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ Trung cấp B1+ bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh Trung cấp, liên quan đến các chủ đề: Hạnh phúc, sức khỏe, công nghệ, văn hoá - truyền thống, bảo vệ nguồn nước, trí nhớ và học tập, bộ não con người.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

12) Anh văn 6 (IELTS): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 5

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ tiền trung cao cấp B2- bao gồm:

- Những từ vựng và điểm văn phạm Tiếng Anh tiền trung cao cấp, liên quan đến các chủ đề: Thức ăn, thảm họa tự nhiên, kỳ quan nhân tạo, thích nghi tự nhiên, con người và tự nhiên, công việc trong tương lai, phương pháp giao tiếp.
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại, bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.
- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu

13) Anh văn 7 (IELTS): 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Anh văn 6.

Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức và kỹ năng Tiếng Anh học thuật ở trình độ trung cao cấp B2/ B2+ - bao gồm:

- Những câu hỏi mẫu, các mẹo làm bài, các bài tập và các bài thi thử liên quan đến các dạng bài trong kỳ thi IELTS: chọn câu đúng, kết nối thông tin, nhận định thông tin (đúng/ sai/ không có trong bài), hoàn tất câu, hoàn tất các biểu mẫu/ sơ đồ dựa vào nội dung bài, viết các bài văn ngắn mang tính chất học thuật, nói về các chủ đề quen thuộc (công việc, học tập, sở thích, thói quen, kỷ niệm, v.v.).
- Thực hành Tiếng Anh giao tiếp và học thuật; luyện tập các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết theo các tình huống quen thuộc trong đời sống và học tập; sinh viên nghe các mẫu hội thoại,

bài diễn thuyết, thực hành các mẫu hội thoại, thuyết trình có mục đích rõ ràng; đọc những bài đọc ngắn theo dạng bài báo, thông tin hướng dẫn, phỏng vấn; ôn luyện, học tập phương pháp sử dụng từ vựng, ngữ pháp đúng cách; luyện tập khả năng viết một đoạn văn ngắn mang tính chất học thuật.

- Phát triển các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, sáng tạo, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đọc và phân tích tài liệu.

14) Tin học cơ bản: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Môn học bao gồm 6 modules:

- Module 1: Khái niệm CNTT cơ bản, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong Công nghệ thông tin – Truyền thông. Các vấn đề liên quan đến an toàn thông tin và pháp luật trong sử dụng CNTT.
- Module 2: Sử dụng máy tính cơ bản.
- Module 3: Soạn thảo văn bản với phần mềm Microsoft Word.
- Module 4: Xử lý bảng tính với phần mềm Microsoft Excel. Sử dụng để giải quyết các bài toán và tình huống thực tế.
- Module 5: Sử dụng trình chiếu cơ bản xây dựng các bản trình chiếu thuyết trình với các kỹ thuật cơ bản và nâng cao với Microsoft PowerPoint.
- Module 6: Internet cơ bản. Tìm kiếm thông tin, sử dụng hộp thư điện tử. Hình thành các thói quen bảo mật thông tin an toàn cho người dùng.

15) Giáo dục thể chất 1, 2: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Sinh viên được chọn học 2 trong 14 học phần: Bơi lội, Bóng bàn, Bóng chuyền, Futsal, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Fitness, Khiêu vũ, Leo núi thể thao, Tennis, Võ thuật, Hatha Yoga, Golf. Các học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng và thực hành về lịch sử hình thành phát triển, lợi ích tập luyện và mục đích tập luyện; các Kỹ thuật, chiến thuật; Luật thi đấu; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Phương pháp xử lý sự cố trong các trường hợp đặc biệt.

16) Giáo dục quốc phòng: 11 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không.

Nội dung học phần: được ban hành theo Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng và an ninh trình độ Đại học và Cao đẳng.

17) Kỹ năng mềm: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: Học phần này giúp sinh viên hiểu được mục tiêu và bản chất của việc học, những năng lực học tập bậc cao phù hợp với bậc Đại học. Sinh viên sẽ được học về những kỹ năng cần thiết để có thể tự chủ trong học tập như phương pháp tra tìm thông tin, nghe giảng và ghi chép trong lớp, kỹ năng đọc và phản hồi thông tin. Ngoài ra, môn học này còn cung cấp những kiến thức có ích khác cho cuộc sống sinh viên như lập kế hoạch cho sự tiến bộ của bản

thân nhằm giúp sinh viên thích nghi tốt nhất với môi trường học tập ở bậc Đại học và hướng tới tinh thần học tập suốt đời. Sinh viên cũng được học những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, thấu hiểu bản thân và nhận diện được đối tượng giao tiếp để có cách giao tiếp phù hợp; kỹ năng trình bày; kỹ năng làm việc nhóm.

18) Lễ tân ngoại giao: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau đây :

- + Công nhận quốc gia và thiết lập quan hệ ngoại giao, quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao; hàm, cấp và chức vụ ngoại giao
- + Lịch sử hình thành của Lễ tân ngoại giao
- + Khái niệm, vai trò, nguyên tắc của lễ tân ngoại giao
- + Phân biệt lễ tân ngoại giao với lễ tân đối ngoại với nghi thức nhà nước
- + Hiểu được ý nghĩa của các biểu tượng quốc gia trong quan hệ quốc tế. Biệt cách sử dụng các biểu tượng quốc gia thế nào cho đúng
- + Hiểu rõ các danh nghĩa viếng thăm của đoàn cấp cao nước ngoài; cách thức chuẩn bị đón tiếp các chuyến thăm của đoàn cấp cao nước ngoài
- + Nghi thức đón tiếp đoàn cấp cao nước ngoài sang thăm
- + Ngôi thứ ngoại giao; cách sắp xếp chỗ ngồi trong các hội nghị hội thảo quốc tế
- + Ý nghĩa, các hình thức chiêu đãi ngoại giao; cách tổ chức tiệc chiêu đãi ngoại giao; sắp xếp chỗ ngồi trong bàn tiệc

Ứng xử thường thức khi tiếp xúc xã giao (ấn tượng ban đầu); hôn hữu nghị, bắt tay, trao ‘card bussiness’; cách sử dụng cụ ăn Âu và Mỹ; cảm ơn, xin lỗi, xin phép; khen và chê thế nào cho đúng; sử dụng điện thoại.

19) Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2 tín chỉ

Nội dung học phần: Giới thiệu đến sinh viên các khối kiến thức:

- + Giải thích pháp luật.
- + Phân tích luật viết.
- + Bình luận án.
- + Các phương pháp nghiên cứu luật học.
- + Cách thức tiến hành nghiên cứu một đề tài về pháp luật.

20) Lý luận Nhà nước và pháp luật: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Nội dung học phần: cung cấp những kiến thức cơ bản có hệ thống về nhà nước và pháp luật, về quy luật hình thành và phát triển nhà nước và pháp luật. Những khái niệm, phạm trù cơ bản

nhà nước và pháp luật, mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật, xã hội, xu hướng phát triển các hiện tượng quá trình của đời sống nhà nước và pháp luật.

21) Luật Hiến pháp: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: song hành với Lý luận Nhà nước và pháp luật.

Nội dung học phần: giới thiệu khái quát về Luật Hiến pháp và Hiến pháp Việt Nam, những chế định cơ bản của Luật Hiến pháp như chế độ chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; giới thiệu về bộ máy Nhà nước.

22) Lịch sử Nhà nước và pháp luật: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Lý luận về nhà nước và pháp luật;

Nội dung học phần: cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật trên thế giới. Từ đó, khái quát đặc điểm trong quá trình hình thành, phát triển, hội nhập với khu vực và quốc tế của nhà nước - pháp luật Việt Nam trong tiến trình lịch sử.

23) Luật So sánh: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Lý luận Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp.

Nội dung học phần: gồm những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Lý luận chung về luật học so sánh; (2) Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.

24) Luật Hành chính: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Lý luận Nhà nước và Pháp luật.

Nội dung học phần: nêu những vấn đề cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước như: cơ quan hành chính nhà nước; quan hệ pháp luật hành chính; cán bộ, công chức; quyết định hành chính; thủ tục hành chính; trách nhiệm pháp lý hành chính

25) Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: song hành Lý luận Nhà nước và Pháp luật.

Nội dung học phần: trình bày được những quy định chung của Luật Dân sự gồm hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, đặc điểm, cấu thành của quan hệ pháp luật Dân sự; các căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự. Nghiên cứu các chế định về giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định về quyền sở hữu, chế định về quyền thừa kế di sản.

26) Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế.

Nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật về nghĩa vụ, khái luận hợp đồng, biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ, các quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và các trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cụ thể:

27) Luật Tố tụng dân sự: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: trình bày các vấn đề sau đây: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, thẩm quyền của tòa án nhân dân; Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; Biện pháp khẩn cấp tạm thời; Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự (tại tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm theo thủ tục thông thường; Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn; Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án; Giải quyết việc dân sự; thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài; Quy định chung về thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

28) Luật Lao động: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: cung cấp các kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động Việt Nam; khái niệm, ý nghĩa, đối tượng áp dụng hợp đồng lao động, việc thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động; một số vấn đề pháp lý về tiền lương; thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; an toàn lao động và vệ sinh lao động; các hình thức kỷ luật lao động; các căn cứ để xác định trách nhiệm vật chất, mức bồi thường và cách thức bồi thường thiệt hại; tranh chấp lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp lao động; khái niệm đình công, dấu hiệu cơ bản của đình công và thủ tục giải quyết các cuộc đình công.

29) Luật Sở hữu trí tuệ: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: trình bày được những quy định chung của Luật Dân sự gồm hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, đặc điểm, cấu thành của quan hệ pháp luật Dân sự; các căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự. Nghiên cứu các chế định về giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; chế định về quyền sở hữu, chế định về quyền thừa kế di sản.

30) Luật Hình sự phần chung: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Lý luận Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp.

Nội dung học phần: gồm khái niệm, nhiệm vụ, nguyên tắc cơ bản của luật hình sự; khái niệm, cấu tạo và hiệu lực của đạo luật hình sự; tội phạm, cấu thành tội phạm; khách thể và chủ thể của tội phạm; khái niệm, trách nhiệm hình sự; mục đích của hình phạt; hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; các loại tội phạm về kinh tế.

31) Luật Hình sự phần các tội phạm: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Hình sự phần chung.

Nội dung học phần: gồm các loại tội phạm cụ thể gồm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe danh dự và nhân phẩm của con người, Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân, Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, Các tội xâm phạm sở hữu, Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Các tội phạm về môi trường, Các tội phạm về ma túy, Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính, Các tội phạm về chức vụ, Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

32) Pháp luật về chủ thể kinh doanh: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế.

Nội dung học phần: trang bị những vấn đề chung về kinh doanh và chủ thể kinh doanh; Doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh; Công ty hợp danh; Công ty trách nhiệm hữu hạn; Công ty cổ phần; Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

33) Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về chủ thể kinh doanh.

Nội dung học phần: trong xu thế hội nhập thương mại quốc tế toàn cầu các hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ diễn ra ngày càng tăng, việc trang bị kiến thức môn học này cho sinh viên ngành luật là một yêu cầu cần thiết để đáp ứng nhu cầu xã hội, giúp các các hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ được thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nội dung: 1) Nhập môn về thương mại, 2) Hoạt động mua bán hàng hóa, 3) Hoạt động cung ứng dịch vụ, 4) Hoạt động trung gian thương mại, 5) Một số hoạt động thương mại khác, 6) Hoạt động xúc tiến thương mại, 7) Chế tài và khiếu nại trong thương mại.

34) Luật Đất đai: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: gồm những kiến thức cơ bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta. Luật đất đai cũng thể hiện dưới góc độ lí luận và thực tiễn về quyền của người sử dụng đất trên cơ sở nghiên cứu các chế độ pháp lí cụ thể, từ đó bao quát các thủ tục hành chính trong quản lí, sử dụng đất đai và trình tự thực hiện các quyền của người sử dụng đất... các hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai.

35) Công pháp Quốc tế: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật hình sự.

Nội dung học phần: cung cấp những kiến thức lí luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn trang bị cho SV kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lí quốc tế...

36) Tư pháp Quốc tế: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật tố tụng dân sự, Công pháp Quốc tế.

Nội dung học phần: gồm những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, môn học còn mang đến cho SV hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế.

37) Luật Thương mại Quốc tế: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ và song hành với Tư pháp quốc tế

Nội dung học phần: gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân bao gồm: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; Thương mại dịch vụ và GATS; Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật về thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

38) Luật Tố tụng hành chính: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Hành chính.

Nội dung học phần: trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và chuyên sâu về cơ quan hành chính nhà nước về công chức, công vụ, về cải cách hành chính. Bên cạnh đó cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về tài phán hành chính, ngành luật Tố tụng hành chính, trình tự thủ tục tố tụng hành chính cũng như vai trò, ý nghĩa của việc khởi kiện vụ án hành chính đối với cá nhân, tổ chức cũng như đối với công quyền, tạo nền tảng kiến thức/tâm lý trong việc

quản lý được giám sát, đối tượng quản lý được chở che bởi hệ thống cơ quan tư pháp thông qua thủ tục tố tụng.

39) Kỹ thuật soạn thảo văn bản: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Hành chính.

Nội dung học phần gồm: Khái quát về soạn thảo văn bản pháp luật, Quy trình ban hành văn bản pháp luật, Ngôn ngữ trong văn bản pháp luật, Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, Hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản pháp luật, Kiểm tra và xử lý văn bản pháp luật, Kỹ năng soạn thảo VBPL và văn bản hành chính.

40) Luật Hôn nhân và gia đình: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Những vấn đề chung về Luật Dân sự, tài sản và quyền thừa kế.

Nội dung học phần: trang bị cho sinh viên khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; sự phát triển của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; các chế định cụ thể của Luật hôn nhân và gia đình Việt nam; kết hôn, hủy hôn trái pháp luật; quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ với các con và các thành viên khác trong gia đình; quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân.

41) Luật Tố tụng hình sự: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Hình sự phần các tội phạm.

Nội dung học phần gồm: khái niệm, nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành và tham gia tố tụng; chứng cứ trong tố tụng hình sự; những biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự. Khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự; truy tố; xét xử sơ thẩm, xét lại bản án và quyết định chưa có hiệu lực pháp luật theo thủ tục phúc thẩm; quyết định của tòa án và thi hành bản án; xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

42) Luật Ngân hàng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: gồm những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng; địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước; địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng; pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối; pháp luật về tín dụng và ngân hàng; pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán của các ngân hàng.

43) Hệ thống pháp luật Việt Nam (Vietnamese legal system): 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Lý luận nhà nước và pháp luật

Nội dung học phần: trình bày tổng quan về các cơ sở pháp lý chung và một số lĩnh vực pháp luật cụ thể của hệ thống pháp luật Việt Nam theo ngôn ngữ tiếng Anh, bao gồm các nội dung:

cấu trúc nguồn luật và bộ máy nhà nước Việt Nam; Luật Hiến pháp Việt Nam; Luật Hành chính; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự Việt Nam; Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Luật Lao động và Luật An sinh xã hội Việt Nam; Luật Doanh nghiệp; Luật Thương mại và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại.

44) Pháp luật kinh doanh bất động sản: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Đất đai.

Nội dung học phần: gồm những quy định chung về kinh doanh bất động sản: nguyên tắc hoạt động kinh doanh bất động sản, các loại và điều kiện bất động sản được kinh doanh, điều kiện và phạm vi hoạt động đối với tổ chức và cá nhân kinh doanh bất động sản, chính sách và trách nhiệm nhà nước về hoạt động kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà, công trình xây dựng. Kinh doanh quyền sử dụng đất và dịch vụ bất động sản. Hợp đồng kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản.

45) Pháp luật về thương mại điện tử: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: trình bày những vấn đề chung về thương mại điện tử và pháp luật thương mại điện tử; những nội dung cơ bản của pháp luật thương mại điện tử; quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại điện tử. Nội dung học phần được chia thành 4 chương với những nội dung cơ bản sau : Khái quát về Thương mại điện tử và Luật Thương mại điện tử ; Hợp đồng Thương mại điện tử ; Thanh toán trong Thương mại điện tử và Giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

46) Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: gồm các loại hình bảo hiểm tự nguyện và bắt buộc; bảo đảm của nhà nước đối với kinh doanh bảo hiểm; những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động bảo hiểm; hợp tác và cạnh tranh trong kinh doanh bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm; bảo hiểm con người; bảo hiểm tài sản; bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Doanh nghiệp bảo hiểm; đại lý bảo hiểm; doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.

47) Luật Cạnh tranh: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại, hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: gồm những vấn đề chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh, Pháp luật về chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh, Pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, Bộ máy thực thi Luật Cạnh tranh và Tố tụng cạnh tranh; Tranh chấp thương mại, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại ngoài Tòa án và Tố tụng trọng tài thương mại tại Việt Nam.

48) Luật Đầu tư: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: Luật đầu tư là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh bao gồm hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo khuyến khích đầu tư, quy chế pháp lí về các khu kinh tế đặc biệt, quy chế pháp lí về đầu tư ra nước ngoài, quy chế pháp lí về đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.

49) Luật Thuế: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ.

Nội dung học phần: trang bị kiến thức, kỹ năng về luật thuế. Học phần gồm 5 chương, với các nội dung chính: Lý luận chung về thuế và pháp luật thuế Việt Nam; Pháp luật thuế thu vào hàng hoá, dịch vụ; Pháp luật thuế thu vào thu nhập; Pháp luật thuế thu vào việc sử dụng và khai thác một số tài sản Nhà nước; Pháp luật về quản lý thuế.

50) Pháp luật thương mại ASEAN: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Thương mại Quốc tế.

Nội dung học phần: cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lí chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN. Gồm các chương: Tổng quan pháp luật Cộng đồng ASEAN; Luật Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN; Luật Cộng đồng kinh tế ASEAN; Các vấn đề pháp lí về hợp tác ngoại khối, cơ chế giải quyết tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam.

51) Pháp luật về Tổ chức Thương mại thế giới WTO: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Thương mại Quốc tế.

Nội dung học phần: Luật WTO là môn khoa học pháp lí cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Thông qua môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức:

- Tổng quan về Luật WTO
- Các nguyên tắc cơ bản của Luật WTO
- Các nguồn của Luật WTO (Hệ thống các hiệp định của WTO)
- Luật WTO trong các lĩnh vực cụ thể
- Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO

52) Luật Thi hành án dân sự: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng dân sự.

Nội dung học phần: cung cấp kiến thức về những vấn đề chung về thi hành án dân sự. Hệ thống tổ chức thi hành án dân sự và chấp hành viên. Thủ tục thi thành án, biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án. Thi hành án trong một số trường hợp cụ thể. Khiếu nại, tố cáo và kháng nghị về thi hành án dân sự.

53) Các hợp đồng dân sự thông dụng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: Là học phần pháp luật chuyên sâu về các loại hợp đồng dân sự cung cấp những kiến thức cơ bản, một cái nhìn tổng quan về hệ thống các quy phạm pháp luật quan trọng trong lĩnh vực hợp đồng. Môn học bao gồm những nội dung chính: khái luận chung về hợp đồng dân sự; pháp luật chuyên sâu về một số loại hợp đồng thông dụng trong lĩnh vực dân sự như hợp đồng mua bán tài sản; hợp đồng dịch vụ; hợp đồng vay tài sản; hợp đồng vận chuyển; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; hợp đồng hợp tác; hợp đồng vận chuyển hành khách; hợp đồng vận chuyển tài sản; hợp đồng gia công; hợp đồng gửi giữ tài sản; hợp đồng ủy quyền...

54) Pháp luật về giao dịch bảo đảm: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: trang bị cho sinh viên kiến thức về giao dịch bảo đảm như: Các giao dịch bảo đảm cụ thể, bản chất của từng giao dịch bảo đảm; Điều kiện của tài sản bảo đảm và các phương thức xử lý tài sản bảo đảm; Xác lập giao dịch bảo đảm và hiệu lực của giao dịch bảo đảm; Khái niệm, ý nghĩa, mục đích, trình tự, thủ tục đăng ký, thay đổi, bổ sung, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm; Các giao dịch bảo đảm đặc thù. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên áp dụng kiến thức pháp luật về giao dịch bảo đảm vào giải quyết các tranh chấp liên quan trên thực tế.

55) Pháp luật về công chứng, chứng thực và thừa phát lại: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tổ chức, hoạt động Công chứng, Chứng thực và Thừa phát lại. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong tổ chức và hoạt động Công chứng, Chứng thực và Thừa phát lại, thông qua đó đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực Công chứng, Chứng thực và Thừa phát lại và các vấn đề có liên quan.

56) Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Những vấn đề lý luận về bảo vệ người tiêu dùng và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Trách nhiệm của tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng; Chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật; Phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh.

57) Pháp luật Quốc tế về quyền con người: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Công pháp Quốc tế.

Nội dung học phần: Luật quốc tế về quyền con người là học phần nằm trong năm trong chuyên ngành Lý luận – Hiến pháp – Hành chính thuộc ngành luật học, là khối kiến thức bắt buộc của chương trình đại học luật chuẩn và hệ đào tạo chất lượng cao. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức toàn diện về các vấn đề lý luận và pháp lý về quyền con người, bao gồm: khái niệm, nguồn gốc, tính chất, đặc điểm, lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người trên thế giới và Việt Nam; hệ thống các chuẩn mực quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam về quyền con người; các cơ chế về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người; quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người...

- Trong bối cảnh quyền con người ngày càng chi phối mạnh mẽ các vấn đề chính trị, xã hội, kinh tế của toàn nhân loại và mỗi quốc gia, môn học này giúp sinh viên có cách tiếp cận, kiến thức, nhận thức và có khả năng xử lý đúng đắn các vấn đề liên quan đến quyền con người trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp, từ đó góp phần hiện thực hóa các chính sách, quan điểm và pháp luật của Đảng, Nhà nước Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người trên thực tế.

58) Kỹ năng tranh tụng trong vụ án dân sự: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật tố tụng dân sự.

Nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng khởi kiện vụ án dân sự, kỹ năng thu thập, cung cấp, giao nộp chứng cứ, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, đánh giá và sử dụng chứng cứ, kỹ năng tham gia phiên tòa sơ thẩm, kỹ năng tham gia giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, kỹ năng tham gia thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

59) Luật Quốc tế về sở hữu trí tuệ: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật sở hữu trí tuệ, Công pháp quốc tế.

Nội dung học phần: Luật quốc tế về sở hữu trí tuệ là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp hệ thống các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ qua đó nghiên cứu nội dung các quy định về sở hữu trí tuệ, ý nghĩa vai trò của các điều ước quốc tế trong việc thúc đẩy bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi toàn cầu và sự tác động của chúng đến hệ thống pháp luật quốc gia. Hệ thống các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ bao gồm những điều ước quan trọng như : Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; công ước Berne 1886 về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật ; công ước Paris về sở hữu công nghiệp ; công ước Rome 1961. Trên cơ sở hệ thống các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam là thành viên, môn học sẽ giúp người học so sánh với quy định của pháp luật Việt Nam những cơ hội và thách thức của Việt Nam trong việc thực thi các công ước nói trên.

60) Luật Thi hành án hình sự: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng Hình sự.

Nội dung học phần gồm:

- Khái niệm, nhiệm vụ, nguồn, lịch sử và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam, địa vị pháp lý của người bị kết án, hệ thống các cơ quan, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan thi hành án hình sự.

- Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền trong thi hành bản án, quyết định về hình phạt tù, tử hình, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, trục xuất, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, án treo, biện pháp tư pháp.

61) Lý luận định tội: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng Hình sự.

Nội dung học phần: giới thiệu cho sinh viên về khái niệm tội danh; ý nghĩa về định tội danh; Lý luận định tội danh trong hệ thống lý luận khoa học Luật hình sự; Các giai đoạn của quá trình định tội danh; Các yếu tố ảnh hưởng đến việc định tội danh.

62) Khoa học điều tra hình sự: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng Hình sự.

Nội dung học phần gồm các nội dung cơ bản sau: Khái niệm biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự; Các biện pháp ngăn chặn; Các biện pháp cưỡng chế khác.

63) Tội phạm học: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng Hình sự.

Nội dung học phần:

- Phần chung đề cập những vấn đề cơ bản chung nhất, khái quát nhất, không có sự nhận định các đặc điểm của nhóm loại tội phạm. Phần chung bao gồm những vấn đề như khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, sự ra đời và phát triển của tội phạm học trong lịch sử, tìm hình tội phạm; nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội; nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể, phòng ngừa tội phạm, dự báo tình hình tội phạm, kế hoạch đấu tranh phòng chống tình hình tội phạm.

- Phần cụ thể: Nghiên cứu các đặc điểm tội phạm học, các nguyên nhân và các biện pháp phòng ngừa nhóm loại tội phạm cụ thể. Cơ sở để sắp xếp theo nhóm tội có thể theo dấu hiệu của hành vi phạm tội hoặc theo dấu hiệu của chủ thể tội phạm.

64) Tư pháp hình sự với người chưa thành niên: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng Hình sự.

Nội dung học phần: phân tích lược sử hình thành và phát triển các quy phạm tư pháp hình sự Việt Nam về bảo vệ quyền của người chưa thành niên. Nghiên cứu những quy định của Tư pháp hình sự Việt Nam hiện hành về bảo vệ quyền của người chưa thành niên và thực tiễn áp dụng những quy định của Tư pháp hình sự Việt Nam về bảo vệ quyền của người chưa thành niên.

65) Tâm thần học tư pháp: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng Hình sự.

Nội dung học phần: gồm các nội dung cơ bản sau: Học phần nghiên cứu các nội dung sau: Những vấn đề chung về giám định tư pháp, Đại cương về Giám định pháp y tâm thần, Quy định pháp luật về Giám định tư pháp, Những bệnh lý tâm thần liên quan nhiều đến Giám định pháp y tâm thần.

66) Giám định pháp y: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng Hình sự.

Nội dung học phần: gồm các vấn đề sau đây: đại cương pháp y, tử thi học, căn cước học pháp y, pháp y thương tích, pháp y chết ngạt, pháp y sinh dục, pháp y chất độc học, chết tự nhiên (đột tử và bất thường), xét nghiệm pháp y, mổ tử thi.

67) Tâm lý học tư pháp: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng Hình sự.

Nội dung học phần: gồm đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, chức năng, bản chất hiện tượng tâm lý người trong lĩnh vực tư pháp; đặc điểm tâm lý trong lĩnh vực điều tra; đặc điểm tâm lý trong lĩnh vực xét xử; tâm lý của hoạt động bào chữa trong lĩnh vực tố tụng; đặc điểm tâm lý của hoạt động cải tạo.

68) Thực tập: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Không

Thực tập nghề nghiệp là cơ hội để sinh viên tiếp cận và làm việc thực tế của các tổ chức, doanh nghiệp, qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào công việc thực tế, giải quyết các vấn đề cụ thể của lĩnh vực chuyên ngành đã học tại tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có dịp học hỏi và trau dồi thêm các kỹ năng mềm cần thiết cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp ra trường.

69) Khóa luận tốt nghiệp hoặc 02 HPTN: 6 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: Sinh viên đủ điều kiện theo quy định.

Những sinh viên đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ tự chọn một đề tài có thể là một vấn đề hay một khía cạnh nhỏ trong số những vấn đề do Khoa quy định. Nếu chọn vấn đề khác thì phải được sự đồng ý của giáo viên. Sinh viên triển khai đề tài thành một công trình nghiên cứu. Những sinh viên không đủ điều kiện viết Khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học 2 chuyên đề tương đương.

Với chuyên sâu Luật Dân sự:

70) HPTN 1. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, tư vấn và giải quyết tranh chấp về hợp đồng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Nội dung học phần: bao gồm ba nội dung chính là kỹ năng đàm phán hợp đồng, kỹ năng soạn thảo và kỹ năng tư vấn hợp đồng.

Trong phần kỹ năng đàm phán hợp đồng, môn học sẽ giúp sinh viên có được kiến thức tổng thể về hoạt động đàm phán, từ vấn đề khái niệm đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán và cách kết thúc của một cuộc đàm phán sao cho có hiệu quả và chuyên nghiệp nhất.

Học phần sẽ giúp sinh viên nắm được các kỹ năng khi soạn thảo một hợp đồng. Sinh viên sẽ được giới thiệu tổng quát về khái niệm hợp đồng, các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến phát sinh trong quá trình làm việc sau này. Tùy thuộc vào từng loại hợp đồng khác nhau sinh viên sẽ được giới thiệu cách đặt tên cho hợp đồng, các điều khoản cơ bản cần có của một hợp đồng cụ thể, nhận diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể và cách thức trình bày các điều khoản đó.

Học phần giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về hợp đồng, có kiến thức pháp lý tổng quan về các loại hợp đồng trong kinh doanh, các rủi ro pháp lý đối với từng loại hợp đồng cụ thể, để từ đó có thể tư vấn cho khách hàng trong quá trình chuẩn bị cũng như ký kết và thực hiện hợp đồng.

Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng nhận diện các tranh chấp về hợp đồng và các kỹ năng để giải quyết tranh chấp về hợp đồng.

Bên cạnh đó, sinh viên sẽ nắm được những điều cần lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng đàm phán và soạn thảo những điều khoản của hợp đồng.

71) HPTN 2. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ dân sự: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng dân sự.

Nội dung học phần: trang bị kiến thức những vấn đề chung và kỹ năng, phương pháp chung nguyên tắc về nghiên cứu hồ sơ vụ án.

Nội dung chính của học phần gồm 5 (năm) phần, bao gồm:

- Phần 1: Các nội dung cần lưu ý trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự
- Phần 2: Phương pháp nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự
- Phần 3: Kỹ năng chung khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự
- Phần 4: Kỹ năng về đánh giá chứng cứ trong vụ án dân sự
- Phần 5: Kỹ năng đặc thù khi nghiên cứu hồ sơ một số loại vụ án dân sự.

Với chuyên sâu Luật hình sự:

72) HPTN 1. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng hình sự.

Nội dung học phần: một yếu tố tác động không nhỏ vào kết quả xét xử được chính xác, thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật đó là việc nghiên cứu hồ sơ của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và các vị Hội thẩm nhân dân, Luật sư, Kiểm sát viên. Bởi vì chỉ thông qua việc nghiên cứu hồ sơ mới biết được hồ sơ vụ án đã đầy đủ các tài liệu hay chưa, nếu phạm tội thì phạm tội gì được quy định trong Bộ luật hình sự, bản án hoặc quyết định của Tòa án các cấp có đúng pháp luật hay không, trên cơ sở nghiên cứu mới có căn cứ để có quyết định đưa vụ án ra xét xử hay không, trả lời đơn khiếu nại, tố cáo để hướng dẫn Tòa án cấp dưới áp dụng pháp luật, để kháng nghị hoặc trình Ủy ban Thẩm phán hoặc Hội đồng Thẩm phán về kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm... Do đó, môn học tập trung vào kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự với 3 nội dung chính: Phương pháp nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự; Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự; Những tình huống thường gặp khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự.

73) HPTN 2. Kỹ năng tranh tụng trong vụ án hình sự: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết/học trước: sau Luật Tố tụng hình sự.

Nội dung học phần: cung cấp cho người học những kỹ năng cần thiết để tranh tụng trong vụ án hình sự như: chuẩn bị trước khi ra tòa; Kỹ năng của luật sư trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa; Kỹ năng của luật sư trong phần xét hỏi tại phiên tòa; Kỹ năng của luật sư trong phần tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm.

8.c. Tổ chức thực hiện chương trình và thiết kế đánh giá

i) Giảng dạy và học tập
<ul style="list-style-type: none"> - Gặp trực tiếp: giờ lên lớp, giờ trực chuyên môn tại văn phòng khoa; - Gặp gián tiếp thông qua các phương tiện nghe nhìn: trang học trực tuyến; - Thông qua cố vấn học tập: đặt lịch hẹn.
ii) Tự học và trải nghiệm thực tế
<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được giảng viên giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo trong thư viện để tự học, tự nghiên cứu. Sinh viên cũng sử dụng hệ thống học trực tuyến để sử dụng các tài nguyên kỹ thuật số và tạo điều kiện thuận tiện cho việc tự học ngoài lớp. - Các hoạt động thực tập, kiến tập tại các doanh nghiệp tạo cơ hội cho sinh viên trải nghiệm thực tế.
iii) Các phương pháp đánh giá
Tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, dự án, đồ án....

9. Học tập trải nghiệm qua công việc thực tế

9.a. CTĐT có tạo cơ hội học tập qua công việc thực tế hay không?

<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên từ năm thứ 2 có cơ hội trải nghiệm công việc thực tế tại các doanh nghiệp, từ đó sinh viên nhìn thấy rõ ràng bức tranh nghề nghiệp trong thực tế sau này ra trường đi làm. - CTĐT đã thiết kế thời gian thực tập cuối khóa tại các doanh nghiệp để thực hành công việc thực tế đúng chuyên ngành được đào tạo.
<p>9.b. Trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp là bắt buộc hay tùy chọn?</p>
<p>CTĐT yêu cầu một số học phần phải đào tạo thông qua công việc thực tế, sinh viên được yêu cầu xử lý trên quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp.</p>
<p>9.c. Tóm tắt bản chất học tập qua công việc thực tế</p>
<p>Một số học phần được tổ chức giảng dạy tại doanh nghiệp giúp sinh viên xử lý trên các quy trình công việc thực tế ở từng phân hành kế toán. Sinh viên có cơ hội nghiên cứu, khám phá và trình bày quan điểm với giảng viên và các chuyên gia tại doanh nghiệp các vấn đề học hỏi được từ thực tế.</p>
<p>9.d. Tổ chức quản lý các khóa học trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp</p>
<p>Trưởng khoa/Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý các khóa học trải nghiệm tại các doanh nghiệp. Các giảng viên được phân công hướng dẫn các nhóm kết hợp với các trưởng bộ phận tại doanh nghiệp thiết kế nội dung thực tập phù hợp với nội dung các học phần trong CTĐT và tổ chức đánh giá trên sản phẩm mà sinh viên phải hoàn thành sau mỗi đợt làm việc thực tế tại doanh nghiệp.</p>
<p>9.e. Thời gian học tập trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp (học kỳ doanh nghiệp)</p>
<p>Thời gian học tập tại doanh nghiệp kéo dài từ 10 – 12 tuần</p>
<p>9.f. Đánh giá học phần học trải nghiệm công việc thực tế</p>
<p>Đối với các học phần kiến tập và thực tập tốt nghiệp, sau khi kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải viết báo cáo/tiểu luận hoặc khóa luận tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn và các chuyên gia tại doanh nghiệp sẽ đánh giá và cho điểm.</p>

10. Đóng góp của những người ngoài trường

- Một số học phần thực hành, thực tế và một số hoạt động chuyên môn được giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp bởi các chuyên gia từ các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực.
- Tùy vào nhu cầu, khoa có kế hoạch hợp tác và mời chuyên gia thực tế giảng dạy các học phần/chuyên đề đặc biệt, họ vẫn đảm bảo tuân thủ phương pháp đánh giá theo quy định để hướng đến đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

11. Sinh viên/cựu sinh viên tham gia xây dựng và phát triển CTĐT (Làm thế nào sinh viên đang học hoặc cựu sinh viên tham gia vào việc góp ý xây dựng và phát triển CTĐT)

- Thông qua câu lạc bộ sinh viên, ban cán sự lớp, hoặc phiếu lấy ý kiến đóng góp của sinh viên cho việc xây dựng CTĐT.
- Thông qua CLB cựu sinh viên được khoa tổ chức họp mặt hàng năm hoặc 2 năm một lần để thu thập ý kiến đóng góp cho CTĐT.

12. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

12.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể	
12.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể	
12.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng		
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.		

13. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với môi trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

1. Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;
2. Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo “Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm”;
3. Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;
4. Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;
5. Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

14. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 02/7/2021.

DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

PGS. TS. Bùi Anh Thủy